ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 390 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 21 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa

đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 14/TTr-SGTVT ngày 18/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước *(Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế quy trình giải quyết các thủ tục hành chính có số thứ tự: số 05; số 06; số 09; số 10; số 12; số 16; số 17; số 18; số 24; số 26; số 27; số 28; số 36; số 43; số 55 thuộc phụ lục Quy trình giải quyết thủ tục hành chính ngành Giao thông vận tải được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.(KSTTHC)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Tuyết Minh

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 390 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

STT	CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	BỘ PHẬN, CBCC GIẢI QUYẾT HỒ SƠ	THỜI GIAN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT	CƠ QUAN PHỐI HỢP (nếu có)	TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN (nếu có)	MÔ TẢ QUY TRÌNH	Phí, lệ phí (vnđ)
1. Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Mã số hồ sơ: 1.013240.000.00.00.H10 – Một phần.								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	3 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê	Giám đốc Sở,	0,5 ngày làm				

		duyệt	Phó Giám đốc Sở	việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**				
2	**Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Mã số hồ sơ: 1.013241.000.00.00.H10 – Một phần.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	5 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			- Trường hợp				

				cấp lại lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
3	**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số hồ sơ: 1.002877.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận,	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc	1 ngày làm việc				

			phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái				chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**				
4	**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã số hồ sơ: 1.001023.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	1 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc				

4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc			phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**				
5	**Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải. Mã số hồ sơ: 2.002288.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	1 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**				
6	**Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số hồ sơ: 1.002268.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	20.000 đồng
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	1 ngày làm việc			
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc			
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc			
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc			
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**			
7	**Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Mã số hồ sơ: 1.002861.000.00.00.H10 - Toàn trình.**						
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	1 ngày làm việc			
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận	0,25 ngày làm việc			

			tải, phương tiện và người lái				trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**				
8	**Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã số hồ sơ: 1.002856.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Chuyên viên hoặc phó phòng phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng; (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở; (4) Lãnh đạo Sở phê duyệt hồ sơ; (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Chuyên viên hoặc phòng phụ trách giải quyết phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	1 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở	0,25 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,25 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**				

9	**Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Mã số hồ sơ: 1.013274.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã (2) Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã (4) Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt hồ sơ (5) Bộ phận trả kết quả tại TTPVHCC hoặc Bộ phận trả kết quả cấp huyện, cấp xã trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã	3 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặcTrưởng phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả tại TTPVHCC hoặc Bộ phận trả kết quả cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**01 ngày đối với đám tang,**				

				không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ				
10	**Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc. Mã số hồ sơ: 1.013276.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (3) Trưởng phòng phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (4) Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	5 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**1. Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định.**				

		2. Trường hợp phải lấy ý kiến: **- Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ;** **- Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.** **- Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.**				
11	**Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch. Mã số hồ sơ:**					

	1.013277.000.00.00.H10 - Toàn trình.							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2) Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (3) Trưởng phòng phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (4) Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	5 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc				
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**1. Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định.** **2. Trường hợp phải lấy ý kiến:** **+ Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ**				

				ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; **+ Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.** **+ Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.**				
11	**Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác. Mã số hồ sơ 1.002798.000.00.00.H10 - Toàn trình.**							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại TTPVHCC sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của Giao thông vận tải; (2)	
2	Bước 2	Thẩm định	Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	13 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ	Trưởng phòng	0,5 ngày làm				

		thẩm định	phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	việc			Phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (3) Trưởng phòng phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh (4) Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh (5) Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả của TTPVHCC	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định**				
12	**Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ. Mã số hồ sơ 2.001921.000.00.00.H10 - Toàn trình.**								
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc			(1) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã sau khi tiếp nhận, chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã (2) Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp	Không
2	Bước 2	Thẩm định	Phòng chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã	3 ngày làm việc				
3	Bước 3	Duyệt hồ sơ thẩm định	Trưởng phòng chuyên môn tại Sở	0,5 ngày làm việc				

			Giao thông vận tải hoặcTrưởng phòng chuyên môn tại UBND cấp huyện, cấp xã				huyện, cấp xã phụ trách giải quyết thẩm định, báo cáo lãnh đạo phòng (3) Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã (4) Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt hồ sơ (5) Bộ phận trả kết quả tại TTPVHCC hoặc Bộ phận trả kết quả cấp huyện, cấp xã trả kết quả cho tổ chức, công dân theo hình thức đã đăng ký.	
4	Bước 4	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải hoặc Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc				
5	Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả tại TTPVHCC hoặc Bộ phận trả kết quả cấp huyện, cấp xã	0,5 ngày làm việc				
	Tổng cộng thời gian giải quyết			**07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định**				